

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH 1719
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Cấp có thẩm quyền giao	Kết quả thực hiện đến 30/6/2026	Dự kiến kết quả đến hết năm 2026	Đánh giá kết quả hết năm 2026 (Đạt/ Không đạt)	Ghi chú
1	Mục tiêu về tỷ lệ giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số bình quân hằng năm (%)	3%	4,58%		Đạt	
2	Nhóm mục tiêu số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (phần đầu 50% xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn)					
-	Tỷ lệ xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (%)	50%			Không đạt	Số xã đặc biệt khó khăn của tỉnh tăng từ 65 xã năm 2021 lên 73 xã năm 2026 là do việc áp dụng các tiêu chí phân định mới theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ.
-	Tỷ lệ thôn, bản ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (%)	50%			Không đạt	Số thôn đặc biệt khó khăn của tỉnh tăng từ 500 thôn năm 2021 lên 608 thôn năm 2026 là do việc áp dụng các tiêu chí phân định mới theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ.

3	<i>Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số</i> [(Thu nhập bình quân đầu giai đoạn 13,92 triệu đồng/người/năm (Theo thống kê thực trạng KT-XH của 53 DTTS năm 2019)]	2 lần				Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc: Trách nhiệm theo dõi, báo cáo chỉ tiêu này thuộc Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc; Nguồn thông tin: Điều tra 53 DTTS, Khảo sát mức sống dân cư. Hiện nay địa phương chưa nhận được kết quả cuộc điều tra 53DTTS năm 2024
4	<i>Nhóm mục tiêu về cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã thôn vùng đồng bào DTTS và MN</i>					
-	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông (%)	100%	100%		Đạt	
-	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa (%)	70%	99,68%		Đạt	
-	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố (%)	100%	78,8%	80,9%	Không đạt	
-	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố (%)	100%	100%		Đạt	
-	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp, sử dụng điện lưới quốc gia (%)	99%	99,99%		Đạt	
-	Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)	90%	98%		Đạt	
-	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình (%)	100%	100%		Đạt	
-	Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh (%)	100%	100%		Đạt	
5	<i>Nhóm mục tiêu về lĩnh vực giáo dục</i>					
-	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường (%)	>98%	99,9%	99,9%	Đạt	

-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường (%)	>97%	99,9%	99,9%	Đạt	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường (%)	>95%	97,16%	97,20%	Đạt	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường (%)	>60%	72,73%	77,50%	Đạt	
-	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông (%)	>90%	91,57%		Đạt	
6	Nhóm mục tiêu về lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe người dân					
-	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn tham gia bảo hiểm y tế (%)	98%	99,49		Đạt	
-	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ) (%)	>80%	65,8%	81%	Đạt	
-	Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế (%)	>80%	86,9%	89%	Đạt	
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (%)	<15%	18,6%	18,6%	Không đạt	
7	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (%)	>50%	40,81%		Không đạt	
8	Nhóm mục tiêu về bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc (%)					
-	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng (%)	80%	97,8%		Đạt	
-	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng (%)	50%	71,05%		Đạt	

9	<i>Nhóm mục tiêu về công tác định canh, định cư, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào</i>					
-	Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số	100%	66,97%		Không đạt	
-	Hỗ trợ xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung (%)	100%	100%		Đạt	
-	Sắp xếp, ổn định dân cư (%)	95%	95%		Đạt	

